

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: ỨNG DỤNG
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 60340102

*(Ban hành theo Quyết định số 3907/QĐ-ĐHQGHN, ngày 14 tháng 10 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Business Administration
- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 60340102
- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Business Administration
- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Business Administration
- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo các thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, có kỹ năng thực hành quản trị chuyên nghiệp và hiệu quả để có thể trở thành các doanh nhân và nhà lãnh đạo doanh nghiệp với tầm nhìn và tri thức về quản trị kinh doanh trong môi trường toàn cầu, có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng được xây dựng nhằm mục tiêu trang bị cho người học phương pháp tư duy khoa học, có tư duy chiến lược và các kỹ năng tác nghiệp cụ thể về các lĩnh vực như: Lãnh đạo trong tổ chức, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro.... Người học cũng có các kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định trong bối cảnh thông tin bất đối xứng, được trang bị nền tảng đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:
 - + Môn thi Cơ bản: Quản trị học
 - + Môn thi Cơ sở: Thi theo phương thức đánh giá năng lực
 - + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Điều kiện văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ);
- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 9 học phần (27 tín chỉ);
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy một số ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 12 học phần (34 tín chỉ).

3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay;

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi;

- Riêng đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy một số ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác:

- Danh mục các ngành phù hợp: Kinh tế (có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh);

- Danh mục các ngành gần: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Quản trị kinh doanh); Kinh tế quốc tế; Marketing; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán.

- Danh mục các ngành khác: Quốc tế học, Du lịch, Giáo dục chính trị, Ngôn ngữ Anh, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng và các ngành thuộc lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (mã số 5231), Báo chí và truyền thông (mã số 5232), Pháp luật (mã số 5238), Toán và thống kê (mã số 5246), Máy tính và công nghệ thông tin (mã số 5248), Công nghệ kỹ thuật (mã số 5251), Kỹ thuật (mã số 5252), Kiến trúc và xây dựng (mã số 5258), Nông, lâm nghiệp và thủy sản (mã số 5262), Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân (mã số 5281) (trừ các ngành có tên trong Danh mục các ngành phù hợp và Danh mục các ngành gần).

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

+	Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+	Quản trị học	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý Marketing	(3 tín chỉ)

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Quản trị kinh doanh, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 9 học phần (27 tín chỉ):

+	Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+	Quản trị học	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý Marketing	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý Kế toán	(3 tín chỉ)
+	Quản trị tài chính	(3 tín chỉ)
+	Quản trị Nguồn nhân lực	(3 tín chỉ)
+	Quản trị chiến lược	(3 tín chỉ)

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 12 học phần (34 tín chỉ):

+	Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+	Quản trị học	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý Quản trị Kinh doanh	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý Marketing	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý Kế toán	(3 tín chỉ)
+	Quản trị tài chính	(3 tín chỉ)
+	Quản trị Nguồn nhân lực	(3 tín chỉ)
+	Quản trị chiến lược	(3 tín chỉ)
+	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	(2 tín chỉ)
+	Quản trị chất lượng	(2 tín chỉ)
+	Toán kinh tế	(3 tín chỉ)

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức chuyên môn

- Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về tư duy chiến lược, biết hoạch định chiến lược kinh doanh;
- Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Lãnh đạo tổ chức, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro....
- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;
- Có trình độ ngoại ngữ tối thiểu tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.2. Năng lực ứng dụng thực tiễn

- Vận hành và triển khai được các chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp/ tổ chức; giải quyết được các tình huống phức tạp trong kinh doanh và đưa ra được các quyết định quản trị đúng đắn phù hợp với đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp;
- Vận dụng được những kiến thức chuyên môn sâu về các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: Lãnh đạo tổ chức, Quản trị Marketing, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị dự án, Quản trị rủi ro....
- Biết thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp một cách đúng đắn để hài hòa các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững;
- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản

lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo;
- Phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học về những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như môi trường hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra các quyết sách đúng đắn cho chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn;
- Điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Kỹ năng cá nhân: Lãnh đạo bản thân và lãnh đạo tổ chức. Sáng tạo và vận dụng các kiến thức lý luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân trong việc phân tích và xử lý các tình huống quản trị kinh doanh;
- Làm việc theo nhóm: Phối hợp xây dựng và triển khai dự án kinh doanh;
- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Có đạo đức công dân, có tinh thần tìm tòi và khám phá, chấp nhận khó khăn và áp lực để thực hiện các nghiên cứu khoa học và phát hiện những vấn đề thực tiễn về kinh doanh nhằm phục vụ cộng đồng.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Công tâm, khách quan, chuyên nghiệp, tôn trọng chữ tín và có tinh thần trách nhiệm;
- Tuân thủ pháp luật, gương mẫu chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc trong tổ chức.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có thái độ tích cực khi làm việc, có tinh thần hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong quá trình làm việc;
- Luôn hăng hái thực hiện các nhiệm vụ được giao theo thời hạn quy định.

4. Vị trí việc làm học viên có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Tốt nghiệp chương trình thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng, người học có thể đảm nhiệm một trong số các vị trí công tác sau:

- Nhóm 1: Nhà quản lý cấp trung tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Nhóm 2: Chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành (CEO) tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu hơn ở bậc tiến sĩ để trở thành chuyên gia cao cấp về lĩnh vực quản trị kinh doanh tại các cơ quan/tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

Có thể tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội với các điều kiện xét tuyển tương ứng theo quy định hoặc có thể tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế đã tham khảo

Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng ứng dụng sử dụng chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Master of Business Administration) của Đại học Harvard làm chương trình đối sánh (www.hbs.edu).

Theo nhiều tổ chức xếp hạng có uy tín, ĐH Harvard thường được xếp hạng số một trong các trường đại học trên thế giới về đào tạo quản trị kinh doanh. Nội dung và cấu trúc chương trình của Đại học Harvard là những điều Trường Đại học Kinh tế hướng tới.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **64 tín chỉ**
- Khối kiến thức chung: **8 tín chỉ**
 - Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **47 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc*: **25 tín chỉ**
 - + *Tự chọn*: **22/46 tín chỉ**
 - Luận văn thạc sĩ : **9 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI5002	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	45	15		
2	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản (<i>English for general purpose</i>)	4	40	20		
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47				
II.1	Các học phần bắt buộc		25				
3	BSA6004	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	3	25	20		
4	BSA6005	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	3	25	20		
5	BSA6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human Resource Management</i>)	3	25	20		
6	BSA6015	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế (<i>Business Ethics and Corporate Culture in International Integration</i>)	3	25	20		
7	BSA6018	Lãnh đạo trong tổ chức (<i>Leadership in Organizations</i>)	2	15	15		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
8	INE6001	Thiết kế và nghiên cứu luận văn (<i>Reserch and Thesis Design</i>)	2	15	15		
9	BSA6017	Quản trị sản xuất tác nghiệp nâng cao (<i>Advanced Production and Operation Management</i>)	3	25	20		
10	BSA6003	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Corporate Finance Management</i>)	3	25	20		
11	BSA6021	Quản trị công ty nâng cao (<i>Advanced Corporate Governance</i>)	3	25	20		
II.2	Các học phần tự chọn		22/46				
12	BSA6001	Các lý thuyết quản trị hiện đại (<i>Modern management theories</i>)	2	20	10		
13	BSA6002	Kinh tế học quản lý (<i>Managerial Economics</i>)	2	20	10		
14	BSA6008	Các thị trường và định chế tài chính (<i>Financial Institutions and Markets</i>)	2	20	10		
15	BSA6010	Kế toán quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Accounting</i>)	2	20	10		
16	BSA6019	Ra quyết định quản trị (<i>Managerial Decision Making</i>)	2	20	10		
17	BSA6024	Chiến lược cạnh tranh (<i>Competitive Strategy</i>)	3	25	20		
18	BSA6025	Quan hệ công chúng (<i>Public Relation</i>)	2	20	10		
19	BSA6026	Quản trị rủi ro (<i>Risk Management</i>)	2	20	10		
20	BSA6027	Tinh thần doanh nghiệp (<i>Entrepreneurship</i>)	2	20	10		
21	BSA6029	Quản trị công nghệ (<i>Management of Technology</i>)	3	25	20		
22	BSA6031	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (<i>Corporate Social Responsibility</i>)	2	20	10		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
23	BSA6034	Quản trị dự án (<i>Project Management</i>)	2	20	10		
24	BSA6035	Quản trị thương hiệu (<i>Brand Management</i>)	2	20	10		
25	BSA6042	Hành vi tổ chức nâng cao (<i>Advanced Organizational Behavior</i>)	2	20	10		
26	INE6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu (<i>International Business: Challenges of Global Competition</i>)	3	30	15		
27	INE6116	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng (<i>E-Commerce: Theories and Application</i>)	2	20	10		
28	INE6007	Quản trị tài chính quốc tế (<i>International Finance Management</i>)	3	30	15		
29	FIB 6004	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư (<i>Investment Analysis and Portfolio Management</i>)	3	30	15		
30	FIB 6010	Tài chính doanh nghiệp quốc tế (<i>International Corporate Finance</i>)	2	20	10		
31	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế (<i>States, Markets and International Governnance</i>)	3	30	15		
IV		Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	9				
Tổng cộng			64				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

4. Danh mục tài liệu tham khảo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)
I	Khối kiến thức chung		8	
1	PHI5002	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	Theo quy định chung của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
2	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản (<i>English for general purpose</i>)	4	Theo quy định chung của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47	
II.1	Các học phần bắt buộc		25	
3	BSA6004	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	3	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tài liệu bắt buộc 2. Hoàng Văn Hải (chủ biên), <i>Quản trị chiến lược</i>, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2010; 3. Rudolf Grunig, Richard Kuhn (Phạm Ngọc Thúy, Lê Thành Long, Võ Văn Huy dịch), <i>Hoạch định chiến lược theo quá trình</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2005 4. Phan Phúc Hiếu, <i>Phân tích chiến lược hiện đại và ứng dụng</i>, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội, 2007. 5. W. Chan Kim, Renee Mauborgne (Phuong Thuý dịch), <i>Chiến lược đại dương xanh</i>, NXB Tri thức, Hà Nội, 2007. 6. Hill, Charles W.L., Jones, Gareth R. (2010), <i>Theory of Strategic Management with cases</i>, 9th ed., South-Western Cengage Learning.
4	BSA6005	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	3	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tài liệu bắt buộc 1. David W. Cravens, Nigel Piercy. <i>Strategic Marketing</i>. Mcgraw Hill Irwin, 2005. 2. Alexander Cherney. <i>Strategic Marketing Analysis</i>. Brightstar Media, Inc., 2006. 3. David W. Craven. <i>Strategic marketing</i>. Sixth Edition, Mc. Graw

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				Hill Irwin, 2000. 4. Russell S. Winer. <i>Marketing Management</i> . Second Edition. Prentice Hall, 2004.
5	BSA6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>(Advanced Human Resource Management)</i>	3	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Vũ Thùy Dương, Hoàng Văn Hải (đồng chủ biên) – <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i> , NXB Thống kê, 2005. 2. George T.Milkovich, John W.Boudreau (Vũ Trọng Hùng dịch), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i> , NXB. Thống kê, 2005. 3. Đinh Phúc – Khánh Linh (biên soạn), <i>Quản lý nhân sự</i> , NXB Tài chính, 2007. 4. Dương Hồng, Vương Thành Trung, Nhiệm Đại Viện, Lưu Phong (Trần Trọng Sâm, Kiều Bách Vũ Thuận dịch), <i>Tứ Thư</i> , NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003; 5. Hàn Phi (Phan Ngọc dịch), <i>Hàn Phi Tử</i> , NXB Văn học, Hà Nội, 2001; 6. Akio Morita, <i>Chế tạo tại Nhật Bản</i> , NXB Tri thức, Hà Nội, 2007. 7. Nguyễn Hữu Thân, <i>Quản trị nhân sự</i> , NXB Thống kê, Hà Nội, 2001
6	BSA6015	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế <i>(Business Ethics and Corporate Culture in International Integration)</i>	3	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Trần Ngọc Thêm, <i>Tìm về bản sắc Văn hóa Việt Nam</i> , NXB. Tp. Hồ Chí Minh, 2001. 2. Fons Trompenaars & Charles Hampden – Turner, <i>Chinh phục các làn sóng văn hoá</i> , (Công ty Alpha book dịch), NXB Tri Thức, 2007 3. Nguyễn Tiến Dũng, <i>Xây dựng Văn hóa Mạnh trong tổ chức</i> – GAMI Book, 2005. 4. Kiều Trọng Tuyên, <i>Xây dựng văn hoá Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để phát triển bền vững và hội nhập quốc tế</i> , NXB. ĐHQGHN, 2006.

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
7	BSA6018	Lãnh đạo trong tổ chức <i>(Leadership in Organizations)</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc 1. Trương Danh Quyên, <i>Đàm phán và Thương lượng trong giao dịch kinh doanh</i> , NXB Thanh Niên, 2005. 2. Kurt W. Mortensen (Phạm Quang Anh dịch), <i>Sức Mạnh Thuyết Phục - 12 Quy Tắc Vàng Của Nghệ Thuật Gây Ảnh Hưởng</i> , NXB. Lao động, 2006. 3. <i>Giáo trình Nghệ thuật lãnh đạo</i> , Trung tâm Pháp – Việt đào tạo về Quản lý. 2. Tài liệu tham khảo 4. George H. Ross, Phạm Quang Vinh (dịch), <i>Đàm phán theo phong cách Trump</i> , NXB Văn hóa – Thông tin, 2007 5. John Maxwell (Đặng Oanh, Hà Phương dịch), <i>Nhà lãnh đạo 360°</i> , NXB Lao động xã hội, Alphabooks, 2005 6. John Maxwell (Đình Việt Hòa dịch), <i>21 nguyên tắc vàng của nghệ thuật lãnh đạo</i> , NXB Lao động xã hội, Alphabooks, 2007.
8		Thiết kế và nghiên cứu luận văn <i>(Reserch and Thesis Design)</i>	2	1. Tài liệu bắt buộc 1. Nguyễn Đình Thọ, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: Thiết kế và thực hiện</i> , NXB. Lao động xã hội, 2011 2. Zikmund, Babin, Carr, Griffin, <i>Business Research Methods</i> , 8 th Ed. South Western Cengage Learning, 2008 3. Nguyễn Thị Cành, <i>Phương pháp và Phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế</i> , NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2004. 2. Tài liệu tham khảo 4. Đồng Thanh Phương, Nguyễn Thị Ngọc An, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i> , NXB. Lao động xã hội, 2010. 5. Vũ Cao Đàm, <i>Phương pháp Luận Nghiên cứu Khoa học</i> , in lần thứ 10, NXB. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 2006.
9	BSA6017	Quản trị sản xuất tác nghiệp nâng cao <i>(Advanced Production and Operation)</i>	3	1. Tài liệu bắt buộc

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
		<i>Management)</i>		<ol style="list-style-type: none"> 1. Trương Đoàn Thê, <i>Quản lý sản xuất và tác nghiệp</i>. NXB ĐH Kinh tế Quốc dân. 2007 2. Nguyễn Văn Nghiên, <i>Quản lý sản xuất</i>. NXB ĐH Quốc gia. 2006
10	BSA6003	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>(Advanced Corporate Finance Management)</i>	3	<ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ross, S. <i>Fundamentals of corporate finance</i>. Mc Graw Hill Australia, Third Edition, 2004. 2. Ogden, Jen, O'Connor. <i>Advanced Corporate Finance (Cram101 Textbook Outlines)</i>. Academic Internet Publishers, 2006.
11	BSA6021	Quản trị công ty nâng cao <i>(Advanced Corporate Governance)</i>	3	<ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> <ol style="list-style-type: none"> 1. Học viện Tài chính, <i>Quản trị doanh nghiệp hiện đại</i>, NXB. Tài chính, 2006. 2. Hilb Martin (Nguyễn Thanh Bình, Trần Bảo Toàn, Đinh Toàn Trung dịch), <i>Quản trị hội đồng doanh nghiệp kiểu mới</i>, NXB. Trẻ, Tp. HCM, 2006. 3. Bộ Tài chính, <i>Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán</i>, Hà Nội, 2007. 4. Lê Minh Toàn, <i>Quản trị công ty đại chúng niêm yết</i>. NXB Chính Trị quốc gia, 2010. 5. Tổ chức tài chính quốc tế (IFC), <i>Báo cáo thể điểm Quản trị công ty</i>, 2011. 6. Tổ chức tài chính quốc tế (IFC), <i>Cẩm nang Quản trị công ty</i>, 2011.
II.2	Các học phần tự chọn		22/46	
12	BSA6001	Các lý thuyết quản trị hiện đại <i>(Modern management theories)</i>	2	<ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> <ol style="list-style-type: none"> 2. Subir Chowdhury (Lê Minh Hồng dịch), <i>Quản lý trong thế kỷ 21</i>,

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				NXB Giao thông Vận tải, 2006 3. A.M. Bramdenburger & B.J Nalebuff (Nguyễn Tiến Dũng, Lê Ngọc Liên dịch), <i>Tranh hợp hay Lý thuyết trò chơi trong kinh doanh</i> , NXB Thống kê, GAMI Book, 2005 3. Trần Hưng Đạo (Nguyễn Ngọc Tinh, Đỗ Mộng Khương dịch), <i>Binh thư yếu lược</i> , NXB Công an Nhân dân, 2001 4. Peter F. Ducker (Vũ Tiến Phúc dịch), <i>Những thách thức của quản lý trong thế kỷ XXI</i> , NXB Trẻ TP.HCM, Thời Báo Kinh tế Sài Gòn, Trung tâm Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương, 2003 5. <i>Phương thức TOYOTA</i> , NXB Tri Thức, Công ty Alpha Books, 2006.
13	BSA6002	Kinh tế học quản lý <i>(Managerial Economics)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Paul Keat, Philip Young. <i>Kinh tế học quản lý</i> . International Edition, 2003. 2. Larry C. Peppers & Dale G. Bails. <i>Managerial Economics: Theory and applications for decision making</i> . Prentice Hall, 1987. 3. Thomas, Christopher and Charles Maurice. <i>Managerial Economics</i> , 9 th ed. McGraw-Hill, 2008.
14	BSA6008	Các thị trường và định chế tài chính <i>(Financial Institutions and Markets)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Hogan, Warren et al. <i>Management of Financial Institutions</i> . Wiley, 2000. 2. Madura. <i>Financial Markets and Institutions</i> . Academic Internet Publishers, Inc., 2006. 3. Marc Levinson. <i>Guide to Financial Markets</i> . Bloomberg Press; 4th Edition, 2006. 4. Frank J. Fabozzi, Franco G Modigliani, Frank Jones, Michael G. Ferri, Franco Modigliani. <i>Foundations of Financial Markets and Institutions</i> . Prentice Hall; 3 Editions, 2002.
15	BSA6010	Kế toán quản trị nâng cao <i>(Advanced Managerial Accounting)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Nguyễn Thị Minh Tâm. Giáo trình kế toán quản trị, NXB.

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				ĐHQGHN, 2005. 2. <i>Kế toán quản trị</i> , Khoa Kế toán kiểm toán Trường ĐHKT TP. HCM. 3. Marc Levinson. <i>Guide to Financial Markets</i> . Bloomberg Press; 4th Edition, 2006.
16	BSA6019	Ra quyết định quản trị <i>(Managerial Decision Making)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Hoàng Văn Hải (chủ biên), <i>Ra quyết định quản trị</i> , tái bản lần thứ hai, NXB. ĐHQGHN, 2014 2. Thomas L. Saaty, <i>Decision Making for Leaders: The Analytic Hierarchy Process for Decisions in a Complex World</i> , 2001. 3. Stelios H. Zanakis, Georgios Doukidis, and C. Zopounidis, <i>Decision Making: Recent Developments and Worldwide Application</i> , McGraw Hill, 2000. 4. Robert E. Gunther, <i>Ra quyết định thông minh</i> , NXB Lao động xã hội, 2012 5. Robert Heller, <i>Kỹ năng ra quyết định</i> , NXB Tổng hợp TP HCM, 2005 6. Nguyễn Xuân Thủy, Đồng Thị Thanh Phương, <i>Kỹ thuật ra quyết định quản trị</i> , NXB Thống kê, 2005 7. Michael J. Mauboussin, <i>Những sai lầm khi ra quyết định</i> , NXB Trẻ, 2012.
17	BSA6024	Chiến lược cạnh tranh <i>(Competitive Strategy)</i>	3	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Dương Ngọc Dũng, <i>Chiến lược cạnh tranh theo lý thuyết Michael Porter</i> , NXB. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2005. 2. Michael E. Porter, <i>Competitive Strategy</i> , New York Free Press, 1998. 3. Hill, Charles W.L., Jones, Gareth R. (2010), <i>Theory of Strategic Management with cases</i> , 9 th ed., South-Western Cengage Learning. 4. W. Chan Kim, Renee Mauborgne (Phương Thuý dịch), <i>Chiến</i>

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				<i>lược đại dương xanh</i> , NXB Tri thức, Hà Nội, 2007. 5. Hoàng Văn Hải (chủ biên), <i>Quản trị chiến lược</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2010.
18	BSA6025	Quan hệ công chúng <i>(Public Relation)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Frank Jefkins, (Nguyễn Thị Phương Anh và Ngô Anh Thy biên dịch), <i>Phá vỡ bí ẩn của PR</i> , NXB. Trẻ 2006. 2. Alison Theaker, <i>The public relations handbook</i> , Routledge, London and NewYork, 2004. 3. Wilcox, Dennis L. and Cameron, Glen T. 2006, <i>Public Relations Strategies and Tactics</i> , 8 th edition, Pearson Education, Inc., Boston.
19	BSA6026	Quản trị rủi ro <i>(Risk Management)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Ngô Quang Huân, Võ Thị Quý, Nguyễn Quang Thu, Trần Quang Trung, <i>Quản trị rủi ro</i> , NXB. Giáo dục 1998. 2. Bùi Tường Trí, <i>Giáo trình quản trị rủi ro</i> , NXB. Giáo dục 2008. 3. Dale F. Cooper, Stephen Grey, Geoffrey Raymond and Phil Walker, <i>Project Risk Management Guidelines. Managing Risk in Large Projects, and Complex Procurements</i> , John Wiley & Sons Ltd.
20	BSA6027	Tinh thần doanh nghiệp <i>(Entrepreneurship)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Hoàng Văn Hải, Nhâm Phong Tuân, Nguyễn Đăng Minh, <i>Tinh thần doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2011. 2. Sir Richard Branson. <i>Business Stripped Bare: Adventures of a Global Entrepreneur</i> , J Wiley, 2008 3. Ted Leonsis. <i>The Business of Happiness: 6 Secrets to Extraordinary Success in Life and Work</i> , J Wiley, 2010 4. Trần Quốc Dân, <i>Tinh thần doanh nghiệp giá trị định hướng của văn hóa kinh doanh Việt Nam</i> , NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 2003.

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				5. Chung Ju Yung, <i>Không bao giờ là thất bại, tất cả chỉ là thử thách</i> , NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004 6. Câu lạc bộ Doanh nghiệp Việt Nam, <i>Doanh nhân Việt Nam xưa và nay</i> , NXB Thống kê, Hà Nội, 2004.
21	BSA6029	Quản trị công nghệ <i>(Management of Technology)</i>	3	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Soemon Takakuwa, Nguyen Hong Son, Nguyen Dang Minh, <i>Manufacturing and Environmental Management</i> , National Political Publishing House, 2013. 2. Passerini, Katia, El Tarabishy, Ayman, Patten, Karen. <i>Information Technology for Small Business</i> , Springer, 2012 3. Clayton M. Christensen. <i>The Innovator's Dilemma: When New Technologies Cause Great Firms to Fail</i> , Havard Business School Press, 1997.
22	BSA6031	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp <i>(Corporate Social Responsibility)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Michel Capron, Françoise Quairel-Lanoizelée. (Lê Minh Tiến và Phạm Như Hồ dịch) <i>Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (La Responsabilité Sociale d'Entreprise)</i> , NXB. Tri Thức, 2009 2. David Crowther & Güler Aras (2008). <i>Corporate social responsibility</i> . Ventus Publishing ApS. 3. Werther, W. B. & Chandler, D. (2011). <i>Strategic corporate social responsibility</i> . Thousand Oaks, CA: Sage. 4. May, Steve, George Cheney & Juliet Roper (eds.). <i>The Debate over Corporate Social Responsibility</i> , Oxford: Oxford University Press. 2006. 5. William B. Werther, Jr. and David Chandler, <i>Strategic Corporate Social Responsibility: Stakeholders in a Global Environment</i> , 2 nd Edition. CA: Sage. 2011.
23	BSA6034	Quản trị dự án <i>(Project Management)</i>	2	1. <i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Từ Quang Phương (2010), <i>Giáo trình Quản lý dự án</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				2. Nguyễn Văn Phúc (2008), <i>Quản lý dự án: Cơ sở lý thuyết và thực hành</i> , Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân 3. 3. Campbell, C. A. (2012), <i>Quản lý dự án trên một trang giấy</i> , Vũ Kiều Tuấn Anh dịch, Nhà xuất bản Thời đại.
24	BSA6035	Quản trị thương hiệu <i>(Brand Management)</i>	2	<i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Russell S. Winer. <i>Marketing Management</i> . Second Edition. Prentice Hall, 2004. 2. David W. Cravens, Nigel Piercy. <i>Strategic Marketing</i> . Mcgraw Hill Irwin, 2005. <i>Tài liệu tham khảo</i> 3. Alexander Cherney. <i>Strategic Marketing Analysis</i> . Brightstar Media, Inc., 2006.
25	BSA6042	Hành vi tổ chức nâng cao <i>(Advanced Organizational Behavior)</i>	2	<i>Tài liệu bắt buộc</i> 1. Gary Johns, Alan Saks. <i>Organizational Behaviour: Understanding and Managing Life at Work with MyOBLab</i> , Pearson, 2010. 2. Jerald Greenberg. <i>Behavior in Organizations: Global Edition 10th Edition</i> , Pearson, 2010. 3. Ian Brooks. <i>Organisational Behaviour Individuals, Groups and Organisation</i> , 4th Edition, Pearson, 2008. <i>Tài liệu tham khảo</i> 4. Bùi Anh Tuấn, Phạm Thúy Hương, Phạm Thị Bích Ngọc, <i>Hành vi tổ chức</i> , NXB Thống kê, 2003. 5. Jennifer M. George, Gareth R. Jones, <i>Understanding and Managing Organizational Behavior</i> , International Edition, Pearson Prentice Hall, 2008.
26	INE6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu <i>(International Business: Challenges of Global Competition)</i>	3	<i>Tài liệu bắt buộc:</i> - Dương Hữu Hạnh, <i>Kinh doanh quốc tế - Thách thức của cạnh tranh toàn cầu</i> , Nxb. Thanh niên, 2010.

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				<ul style="list-style-type: none"> - Donal A. Ball, Wendell H. McCulloch, Jr., Paul L. Frantz, J. Michael Geringer, Michael S. Minor, International Business-the Challenge of Global Competition, 9th Edition, McGraw Hill, Irwin 2010 - Bùi Lê Hà, Giáo trình Quản trị kinh doanh quốc tế, Nxb.Thống kê 2007 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hà Nam Khánh Giao (2012), Quản trị kinh doanh quốc tế, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. - Czinkota, Rivoli, Ronkainen (2004), “ International Business”, The Dryden Press, Florida, USA. - Collier, P., and D. Dollar, “Globalisation, growth and poverty: Building an inclusive world economy” (2012), Oxford University Press.
27	INE6116	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng <i>(E-Commerce: Theories and Application)</i>	2	<p><i>Tài liệu bắt buộc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Việt Khôi: ”Giáo trình Thương mại điện tử”, Trường Đại học Kinh tế ĐHQGHN - Trần Văn Hòe: ”Giáo trình Thương mại điện tử”, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân 2008 - Turban, King, Lee and Viehland, ”Electronic Commerce 2010; A Managerial Perspective”, Pearson Education 2010 <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kenneth Laudon and Carol Guercio Traver, “E-commerce: Business,

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				Technology, Society 2013” (9 th Edition) - Khoi NGUYEN V, Course handouts, UEB-Vietnam National University 2002-2013 - Websites assigned by instructor during the course
28	INE6007	Quản trị tài chính quốc tế <i>(International Finance Management)</i>	3	<i>Tài liệu bắt buộc:</i> - Jeff Madura (2008), International Financial Management (8ed), Thompson, South Western. - Charles W.L.Hill (2009), Global Business Today (6ed),The McGraw-Hill Companies. - Nguyễn Văn Tiến (2005), Cẩm nang thị trường ngoại hối và các giao dịch kinh doanh ngoại hối. NXB Thống kê, Hà Nội. <i>Tài liệu tham khảo:</i> - Ngô Thị Ngọc Huyền, Nguyễn Thị Hồng Thu (2009), Quản trị Tài chính Quốc tế. NXB Thống kê, Hà Nội - Eun, C. S. and Resnick, B.G. (2004), International Financial Management. Irwin McGraw-Hill Company, Inc. Singapore. - Keith Pilbeam, 2006: International Finance. Palgrave Publisher, New - York.
29	FIB 6004	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>(Investment Analysis and Portfolio Management)</i>	3	<i>Tài liệu bắt buộc:</i> 1. Frank K. Reilly và Keith C. Brown, Investment Analyses and Portfolio

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				Management. 2. Bodie – Kane – Marcus, Investment, McGraw-Hill. (Chương 20,21,22) 3. PGS.TS.Trần Thị Thái Hà (2005), Đầu tư tài chính, NXB ĐHQGHN. Tài liệu tham khảo: 4. Vũ Phương Thảo (2005), Nguyên lí Marketing, NXB ĐHQGHN 5. Nguyễn Quốc Thịnh, Nguyễn Thành Trung (2005), Thương hiệu với nhà quản lí, NXB Văn hóa Thông tin.
30	FIB 6010	Tài chính doanh nghiệp quốc tế <i>(International Corporate Finance)</i>	2	Tài liệu bắt buộc: 1.David K. Eiteman, Arthur I. Stonehill, and Michael H. Moffett, (2009), Multinational Business Finance, 12th Edition. 2.Jeff Madura, (2010), International Corporate Finance, 10th Edition Tài liệu tham khảo: 3.Ashok Robin (2010), International Corporate Finance
31	PEC 6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>(States, Markets and International Governance)</i>	3	Tài liệu bắt buộc: - Phạm Thị Túy (2011), Phối hợp điều tiết giữa các nhà nước trong

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo <i>(1. Tài liệu bắt buộc, 2. tài liệu tham khảo thêm)</i>
				<p>khủng hoảng kinh tế thế giới. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội</p> <p>- Ngân hàng thế giới (1998). Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>- Thomas Oatley (2007), Kinh tế chính trị quốc tế: Các lợi ích thể chế trong nền kinh tế toàn cầu, Sách dịch, NXB North Carolina Chapel Hill Press</p> <p>- Phạm Thị Hồng Điệp (2010) Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường từ một số học thuyết kinh tế cận hiện đại và vận dụng vào Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Các lý thuyết trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu và thực tiễn Việt Nam“, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, trang 232-249.</p> <p>- Phan Huy Đường (1996), Lý thuyết về cơ chế thị trường và sự vận dụng ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.</p> <p>- Phùng Xuân Nhạ (2007), Công ty xuyên quốc gia: Lý thuyết và thực tiễn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p>

4. Đội ngũ cán bộ giảng dạy

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
I	Khối kiến thức chung		8				
1	PHI5002	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	Giảng viên Trường Đại học KHXH&NV			
2	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản (<i>English for general purpose</i>)	4	Giảng viên Trường Đại học Ngoại ngữ			
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		47				
II.1	Các học phần bắt buộc		25				
3	BSA6004	Quản trị chiến lược nâng cao (<i>Advanced Strategic Management</i>)	3	Đỗ Tiến Long Nhâm Phong Tuấn	TS. TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
4	BSA6005	Quản trị Marketing nâng cao (<i>Advanced Marketing Management</i>)	3	Phạm Thị Liên Hồ Chí Dũng	TS. TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
5	BSA6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao (<i>Advanced Human Resource Management</i>)	3	Đỗ Xuân Trường Lê Quân	TS. PGS.TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT ĐHQGHN
6	BSA6015	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế (<i>Business Ethics and Corporate Culture in International Integration</i>)	3	Đỗ Minh Cương Nguyễn Viết Lộc	PGS.TS. TS.	Chính trị học QTKD	Trường ĐHKT ĐHQGHN
7	BSA6018	Lãnh đạo trong tổ chức (<i>Leadership in Organizations</i>)	2	Đỗ Tiến Long Trần Anh Tài	TS. PGS.TS.	QTKD KTCT	Trường ĐHKT

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
							Trường ĐHKT
8	INE6001	Thiết kế và nghiên cứu luận văn (<i>Reserch and Thesis Design</i>)	2	Hồ Chí Dũng Luu Thị Minh Ngọc	TS. TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
9	BSA6017	Quản trị sản xuất tác nghiệp nâng cao (<i>Advanced Production and Operation Management</i>)	3	Nguyễn Đăng Minh Phan Chí Anh	TS. TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
10	BSA6003	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao (<i>Advanced Corporate Finance Management</i>)	3	Trần Thị Thái Hà Trần Thị Thanh Tú	PGS.TS. PGS.TS.	KTCT TCNH	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
11	BSA6021	Quản trị công ty nâng cao (<i>Advanced Corporate Governance</i>)	3	Hoàng Văn Hải Nhâm Phong Tuấn	PGS.TS. TS.	QLKT QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
II.2	Các học phần tự chọn		22/46				
12	BSA6001	Các lý thuyết quản trị hiện đại (<i>Modern management theories</i>)	2	Trần Anh Tài Luu Thị Minh Ngọc	PGS.TS. TS.	KTCT QTKD	Trường Trường ĐHKT
13	BSA6002	Kinh tế học quản lý (<i>Managerial Economics</i>)	2	Vũ Đức Thanh Đào Thị Bích Thủy	TS. TS.	KTH KTH	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
14	BSA6008	Các thị trường và định chế tài chính (<i>Financial Institutions and Markets</i>)	2	Trần Thị Thái Hà Trần Thị Thanh Tú	PGS.TS. PGS.TS.	KTCT TCNH	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
15	BSA6010	Kế toán quản trị nâng cao (<i>Advanced Managerial Accounting</i>)	2	Nguyễn Thị Hương Liên Trần Thế Nữ	TS. TS.	Kế toán Kế toán	Trường ĐHKT Trường ĐHKT

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
16	BSA6019	Ra quyết định quản trị (<i>Managerial Decision Making</i>)	2	Nguyễn Viết Lộc Nguyễn Đăng Minh	TS. TS.	QTKD QTKD	ĐHQGHN Trường ĐHKT
17	BSA6024	Chiến lược cạnh tranh (<i>Competitive Strategy</i>)	3	Hoàng Văn Hải Nguyễn Mạnh Tuấn	PGS.TS. PGS.TS.	QLKT QLKT	Trường ĐHKT ĐHQGHN
18	BSA6025	Quan hệ công chúng (<i>Public Relation</i>)	2	Nguyễn Thị Phi Nga Hoàng Thị Thanh Vân	TS. TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
19	BSA6026	Quản trị rủi ro (<i>Risk Management</i>)	2	Trương Minh Đức Trần Đức Vui	TS. TS.	QTKD QLKT	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
20	BSA6027	Tinh thần doanh nghiệp (<i>Entrepreneurship</i>)	2	Lê Quân Đình Văn Toàn	PGS. TS. TS.	QTKD QTKD	ĐHQGHN ĐHQGHN
21	BSA6029	Quản trị công nghệ (<i>Management of Technology</i>)	3	Nguyễn Đăng Minh Phan Chí Anh	TS. TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
22	BSA6031	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (<i>Corporate Social Responsibility</i>)	2	Đình Văn Toàn Luu Thị Minh Ngọc	TS. TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
23	BSA6034	Quản trị dự án (<i>Project Management</i>)	2	Đỗ Xuân Trường Trương Minh Đức	TS. TS.	QTKD QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
24	BSA6035	Quản trị thương hiệu (<i>Brand Management</i>)	2	Nguyễn Mạnh Tuấn Hoàng Thị Thanh Vân	PGS. TS. TS.	QTKD QTKD	ĐHQGHN Trường ĐHKT
25	BSA6042	Hành vi tổ chức nâng cao (<i>Advanced Organizational Behavior</i>)	2	Đỗ Minh Cương Đỗ Tiến Long	PGS. TS. TS.	Chính trị học QTKD	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
26	INE6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu	3	Hà Văn Hội Vũ Anh Dũng	GVC, PGS.TS GV, PGS.TS	KTTG& QHKTQT	Trường ĐHKT Trường ĐHKT

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
		<i>(International Business: Challenges of Global Competition)</i>		Nguyễn Việt Khôi Phạm Hùng Tiến	GV, PGS.TS GV, TS	QT Điều hành QT KTTG & QHKTQT QTXN	Trường ĐHKT Trường ĐHKT
27	INE6116	Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng <i>(E-Commerce: Theory and Applications)</i>	2	Nguyễn Tiến Minh Nguyễn Việt Khôi Ao Thu Hoài	GV, TS GV, PGS.TS. GV, TS.	HT thông tin QL KTTG & QHKTQT Quản lý Kinh tế	Trường ĐHKT Trường ĐHKT HV Bưu chính VT
28	INE6007	Quản trị tài chính quốc tế <i>(International Finance Management)</i>	3	Nguyễn Hồng Sơn Nguyễn Cẩm Nhung Nguyễn Tiến Dũng	GVC, PGS.TS GV, TS GV, TS	KTCT TCQT Phát triển QT	Trường ĐHKT Trường ĐHKT Trường ĐHKT
29	FIB6004	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>(Investment Analysis and Portfolio Management)</i>	3	Trần Thị Thái Hà Lê Trung Thành Trần Thị Thanh Tú	PGS.TS TS PGS.TS	KTCT TC TC	Trường ĐHKT Trường ĐHKT Trường ĐHKT
30	FIB6010	Tài chính doanh nghiệp quốc tế <i>(International Corporate Finance)</i>	2	Nguyễn Văn Hiệu Cao Thị Ý Nhi	PGS.TS TS	TC TC	Trường ĐHKT Trường ĐHKTQD

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
31	PEC6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế (<i>States, Markets and International Governnance</i>)	3	Phạm Thị Hồng Điệp Nguyễn Thùy Anh Phạm Văn Dũng Phan Huy Đường	GV, PGS GV, TS GVC, PGS GVC, GS	KTCT KTCT KTCT KTCT	Trường ĐHK Trường ĐHK Trường ĐHK Trường ĐHK

5. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- Chương trình sẽ được thực hiện bởi đội ngũ giảng viên là những người có kiến thức chuyên sâu, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn, là những chuyên gia, những nhà nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế.
- Phương pháp giảng dạy là sự kết hợp giữa lý thuyết và thảo luận phù hợp với đối tượng học viên và từng học phần trên nguyên tắc lấy người học làm trung tâm nhằm phát huy khả năng chủ động, tích cực, khả năng sáng tạo, vận dụng vào thực tiễn của học viên; hướng học viên tự học theo mô hình đại học nghiên cứu.
- Học viên được tham khảo hệ thống giáo trình, học liệu cập nhật, hiện đại tại Trung tâm Thông tin Tư liệu – ĐHQGHN và Bộ phận Tư liệu của Phòng Đào tạo Trường ĐH Kinh tế.
- Học viên được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học, các buổi trao đổi học thuật với các nhà khoa học trong và ngoài nước, đặc biệt là với các nhà phân tích chính sách, các chuyên gia về kinh tế, các nhà quản lý thực tiễn các cấp; có cơ hội nhận học bổng từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

6. So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài

a) Giới thiệu về chương trình được sử dụng để xây dựng chương trình

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành): The Berkeley MBA Program

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Master in Business Administration

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: Haas School of Business, University of California Berkeley, United State of America

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: Theo bảng xếp hạng các chương trình đào tạo Thạc sỹ Quản trị kinh doanh toàn cầu năm 2014, trường Kinh doanh Haas thuộc Đại học California Berkeley được xếp hạng thứ 11 trong số 100 chương trình của các trường đại học trên thế giới.

b) Bảng so sánh chương trình đào tạo

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào tạo
	<i>Các học phần bắt buộc</i>		
1	Leadership Communication	Advanced Organizational Behavior Hành vi tổ chức nâng cao	Giống nhau 20%
2	Data and Decisions		
3	Economics for Business Decision Making	Managerial Economics Kinh tế học quản lý	Giống nhau 70%
4	Macroeconomics in the Global Economy	Managerial Economics Kinh tế học quản lý	Giống nhau 80%
5	Financial Accounting		
6	Introduction to Finance		
7	Operations Management	Advanced Production and Operation Management Quản trị sản xuất tác nghiệp nâng cao	Giống nhau 90%
8	Organizational Behavior	Advanced Organizational Behavior Hành vi tổ chức nâng cao	Giống nhau 95%
9	Leadership	Leadership in Organizations Lãnh đạo trong tổ chức	Giống nhau 100%
10	Marketing Management	Advanced Marketing Management Quản trị Marketing nâng cao	Giống nhau 100%
11	Ethics and Responsibility in Business	Business Ethics and Corporate Culture In International Integration Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	Giống nhau 60%
12	Strategy in the Global Context	Advanced Strategic Management Quản trị chiến lược nâng cao	Giống nhau 50%
	<i>Các học phần tự chọn</i>		
	<i>Các học phần về phân tích kinh tế và chính sách</i>		
13	Managerial Decisions in Regulated	Managerial Decision Making	Giống nhau 80%

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào tạo
	Industries	Ra quyết định quản trị	
14	Forecasting Methods for Business		
15	Topics in Economic Analysis and Policy		
16	International Finance		
17	Theory and Institution of International Trade		
18	Competitive and Corporate Strategy	Competitive Strategy Chiến lược cạnh tranh	Giống nhau 100%
	<i>Các học phần về Kế toán</i>		
19	Financial Information Analysis		
20	Corporate Financial Reporting		
21	Managerial Accounting	Advanced Managerial Accounting Kế toán quản trị nâng cao	Giống nhau 90%
22	Advanced Managerial Accounting		
23	Management Planning and Control Systems		
24	Topics in Taxation		
	<i>Các học phần về Tài chính</i>		
25	Corporate Finance	Advanced Corporate Finance Management Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Giống nhau 90%
26	Financial Institutions and Markets	Financial Institutions and Markets Các thị trường và định chế tài chính	
27	Investments		
28	Advanced Topics in Corporate Finance		
29	Advanced Topics in Financial Institutions and Financial Markets		
30	Futures and Option Markets		

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào tạo
31	Investments Strategies and Styles		
32	Topics in Finance		
	<i>Các học phần về Quản trị tác nghiệp và công nghệ thông tin</i>		
33	Introduction to Management Science	Modern Management Theories Các lý thuyết quản trị hiện đại	Giống nhau 70%
34	Strategic Planning of Production and Operations		
35	Decisions, Games and Strategies		
36	MIS: Data Management		
37	MIS: System Analysis and Design		
38	MIS: Managerial and Organizational Issues		
39	Telecommunications		
40	Topics in Manufacturing and Operations		
41	Topics in Information Technology		
42	Strategic Planning: Perspective and Decisions		
	<i>Các học phần về Hành vi tổ chức/mối quan hệ công việc</i>		
43	Human Resources Management Quản trị nguồn nhân lực	Advanced Human Resource Management Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Giống nhau 90%
44	Negotiations and Conflict Resolution		
45	Public Policy and the Management of Human Resources		
46	Power and Politics in Organizations		
47	Creativity in Business		
48	Special Topics in Organizational		

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào tạo
	Behavior and Industrial Relations		
49	Organizing for Strategic Advantage		
	<i>Các học phần về Marketing</i>		
50	Consumer Behavior		
51	Marketing Research: Tools and Techniques for Data Collection and Analysis		
52	Brand Management and Strategy	Brand Management Quản trị thương hiệu	Giống nhau 100%
53	Internet Marketing		
54	High Technology Marketing Management		
55	Advertising Management		
56	Channels of Distribution		
57	Topics in Marketing		
58	Global Marketing Strategy		
59	Strategic Marketing Planning		
	<i>Các học phần về kinh doanh và chính sách công</i>		
60	Business and Public Policy		
61	Managing the Political Environment of Business		
62	Special Topics in Business and Public Policy		
63	Comparative and International Business and Public Policy		
64	Global Strategy and Multinational Enterprise	Advanced Strategic Management Quản trị chiến lược nâng cao	Giống nhau 50%
	<i>Các học phần về Bất động sản</i>		
65	Real Estate and Urban Land Economics		

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào tạo
66	Seminar in Urban Economic Resource Policy		
67	Real Estate Financing		
68	Seminar in Real Estate Investment Analysis		
69	Housing and the Urban Economy		
70	Special Topics in Real Estate Economics and Finance		
71	<i>Các học phần về Quản trị công nghệ</i>		
72	Introduction to Management of Technology	Management of Technology Quản trị công nghệ	Giống nhau 80%
73	Strategic Computing and Communications Technology		
74	Design as Strategic Management Issue		
75	Marketing for High-Tech Entrepreneurs		
76	International Trade and Competition in High Technology		
77	Managing Innovation and Change		
78	High-Tech Product Design and Rapid Manufacturing		
79	Managing the New Product Development Process		
80	Project Management Case Studies	Project Management Quản trị dự án	Giống nhau 80%
81	Quality Improvement: Strategy, Processes and Customers		
82	Topics in Management of Technology		
	<i>Các học phần khác</i>		
83	Speaking as a Leader		

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào tạo
84	Topics in Managerial Communications		
85	Management in the Public and Not-for-profit Sectors		
86	Topics in Socially Responsible Business	Corporate Social Responsibility Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Giống nhau 60%
87	Individually Supervised Study for Graduate Students		
88	Selected Topics for MBA students		
89	Entrepreneurship	Entrepreneurship Tinh thần doanh nghiệp	Giống nhau 100%
90	New Venture Finance		
91	Special Topics in Entrepreneurship		
92	Special Topics in Business Administration		
93	International Business Development for MBAs		
94	Strategy in Global Context		
95	Stragic Management and the Organization of Heal Services		

7. Tóm tắt nội dung các học phần

1. TRIẾT HỌC

- Mã học phần:** PHI 5002
- Tên học phần:** Triết học
- Khối kiến thức:** Khối kiến thức chung
- Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
- Số tín chỉ:** 02
- Giảng viên:** ĐHQGHN
- Mục tiêu và nội dung học phần:** Theo quy định chung của ĐHQGHN.
- Học phần tiên quyết :** Không

2. NGOẠI NGỮ CHUNG – TIẾNG ANH

- Mã học phần:** ENG 5001
- Tên học phần:** Ngoại ngữ chung – Tiếng Anh
- Khối kiến thức:** Khối kiến thức chung
- Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
- Số tín chỉ:** 04
- Giảng viên:** ĐHQGHN
- Mục tiêu và nội dung học phần:** Theo quy định chung của ĐHQGHN.
- Học phần tiên quyết:** Không.

3. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC NÂNG CAO

1. **Mã học phần:** BSA 6004
2. **Tên học phần:** Quản trị chiến lược nâng cao
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** TS. Đỗ Tiên Long, TS. Nhâm Phong Tuân, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong doanh nghiệp.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích chiến lược, lựa chọn chiến lược, thực thi chiến lược của công ty trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu.
8. **Tóm tắt môn học:** Trên cơ sở các kiến thức khung cơ bản về Quản trị chiến lược đã được trang bị trong chương trình đào tạo cử nhân, Học phần Quản trị chiến lược nâng cao đi sâu vào những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về quản trị chiến lược như: xác định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, các giá trị cốt lõi và tầm nhìn của doanh nghiệp; hình thành mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp để thực hiện sứ mệnh trong chu kỳ chiến lược; đánh giá thế và lực của doanh nghiệp trong chu kỳ chiến lược; phát hiện thời cơ chiến lược của doanh nghiệp; thực thi chiến lược hướng đích thông qua chuỗi các biện pháp: thay đổi tổ chức; thiết lập hệ thống khuyến khích và trợ lực; phát triển văn hóa mạnh; nhận thức và phản ứng với những thay đổi và sai lệch chiến lược.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

4. QUẢN TRỊ MARKETING NÂNG CAO

1. **Mã học phần:** BSA 6005
2. **Tên học phần:** Quản trị Marketing nâng cao
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** TS. Phạm Thị Liên & TS. Hồ Chí Dũng, Trường ĐHKT – ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến marketing trong doanh nghiệp.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích khách hàng, sản phẩm, chính sách giá, đối thủ cạnh tranh, lựa chọn chiến lược marketing phù hợp cho doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu.
8. **Tóm tắt môn học:** Marketing chiến lược đóng vai trò quan trọng trong thành công của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những quan điểm chuyên sâu và các quá trình gắn liền với chiến lược marketing định hướng thị trường. Học phần cũng cung cấp phương pháp phân tích tình huống, thiết kế và lựa chọn chiến lược, phát triển chiến lược sử dụng các công cụ của marketing - mix, cách thức tổ chức thực hiện và quản lý chiến lược theo định hướng thị trường.
9. **Học phần tiên quyết:** Không.

5. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC NÂNG CAO

1. **Mã học phần:** BSA 6016
2. **Tên học phần:** Quản trị nguồn nhân lực nâng cao
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** PGS. TS. Lê Quân & TS. Đỗ Xuân Trường, Trường ĐHKT – ĐHQGHN.

7. Mục tiêu học phần

- **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như tuyển dụng, đào tạo, chế độ lương thưởng, điều kiện làm việc và quan hệ lao động.

- **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích và hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển dụng, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ trong doanh nghiệp.

8. **Tóm tắt môn học:** Học phần quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự. Duy trì quan hệ lao động theo các thông lệ trong nước và quốc tế.

9. **Học phần tiên quyết :** Không.

6. ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. **Mã học phần:** BSA 6015
2. **Tên học phần:** Đạo đức kinh doanh & văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** PGS.TS. Đỗ Minh Cương & TS. Nguyễn Việt Lộc, Trường ĐHKT – ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phát triển kinh doanh bền vững và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích phát triển kinh doanh bền vững và đạo đức trong kinh doanh, áp dụng kiến thức văn hóa doanh nghiệp vào thực.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần tập trung vào việc giới thiệu các nội dung của đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế, văn hóa Đông – Tây có sự giao thoa và ảnh hưởng lẫn nhau. Trên cơ sở đó xây dựng và triển khai các chương trình đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp trong tổ chức. Học phần có kết cấu thành 3 phần như sau: (i) Đạo đức kinh doanh: giới thiệu về khái niệm đạo đức kinh doanh, các triết lý về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của tổ chức. Đưa ra các nguyên tắc hoạt động để đưa chương trình đạo đức kinh doanh vào thực tiễn; (ii) Tổng quan về văn hoá doanh nghiệp: khái quát về văn hoá và bản sắc Việt Nam; tư duy văn hoá Phương Đông – Phương Tây; (iii) Xây dựng Văn hoá doanh nghiệp trên cơ sở triết lý hài hoà Đông – Tây bao gồm: tổng thể, tư duy, cấu trúc, môi trường và hành động trong văn hóa mạnh.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

7. LÃNH ĐẠO TRONG TỔ CHỨC

1. **Mã học phần:** BSA 6018
2. **Tên học phần:** Lãnh đạo trong tổ chức
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Đỗ Tiến Long & PGS.TS. Trần Anh Tài, Trường ĐHKHT – ĐHQGHN.

7. Mục tiêu học phần

- **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, năng lực lãnh đạo...
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích, thuyết trình, thuyết phục và lãnh đạo phục vụ cho việc điều hành và quản trị doanh nghiệp.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần tập trung vào việc giới thiệu các nội dung của hoạt động lãnh đạo trong tổ chức. Học phần có kết cấu thành 2 phần như sau: Phần I: Tổng quan chung về công tác lãnh đạo trong tổ chức, vai trò và chức năng của nhà quản trị. Những phong cách lãnh đạo mà mỗi học viên có thể lựa chọn. Năng lực lãnh đạo cần thiết và những thách thức đối với công tác lãnh đạo trong thế kỷ 21. Phần II: Các kỹ năng cần thiết cho nhà lãnh đạo trong tổ chức như: đàm phán, thuyết phục, động viên, huấn luyện nhân viên, giao việc, ủy quyền. Đây là những kỹ năng cơ bản giúp nhà lãnh đạo gây được cảm hứng cho nhân viên làm việc hiệu quả vì mục tiêu chung.
 9. **Học phần tiên quyết :** Không.

8. THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU LUẬN VĂN

1. **Mã học phần :** INE 6003
2. **Tên học phần :** Thiết kế nghiên cứu luận văn
3. **Số tín chỉ :** 02
4. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm ngành
5. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
6. **Giảng viên:** TS. Hồ Chí Dũng, TS. Lưu Thị Minh Ngọc.
7. **Mục tiêu học phần:**

- ***Kiến thức và năng lực nghiên cứu***

- Mục tiêu của học phần là trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng viết và sử dụng các nguồn tài liệu, giúp cho học viên hoàn thành luận văn thạc sĩ.
- Thông qua học phần viên nắm được mục tiêu, bản chất của nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh. Nắm vững vai trò cũng như các công cụ khác nhau của kinh tế lượng trong công tác nghiên cứu phân tích và dự báo cũng như kiểm định các lý thuyết kinh tế.
- Hiểu biết sâu về bản chất cũng như nội hàm của các giả thiết của mô hình hồi quy cổ điển, các hệ quả đối với các ước lượng tham số, các phương pháp kiểm định các giả thiết cũng như một số trường hợp mở rộng mô hình hồi quy cơ bản thường gặp.
- Hiểu rõ quy trình thiết kế một nghiên cứu và xây dựng báo cáo nghiên cứu.. Nắm được cách thức thu thập và xử lý số liệu thông qua kiến thức kinh tế lượng ứng dụng
- Hoàn thành học phần, học viên có thể xác định được đề tài luận văn phù hợp, câu hỏi nghiên cứu, hoàn thành tóm tắt, đề cương nghiên cứu chi tiết, viết và hoàn chỉnh luận văn.

- ***Kỹ năng***

- Phát triển các kỹ năng nghiên cứu các vấn đề kinh tế, xã hội và kinh doanh
- Phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích và ra quyết định
- Nâng cao ý thức độc lập trong nghiên cứu, có thêm sự tự tin trong công việc tìm hiểu và giải quyết các vấn đề.

- Có kỹ năng thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kinh tế
- Áp dụng các kiến thức thống kê để hình thành các phương pháp tính toán
- Thiết lập câu hỏi điều tra; Kỹ năng thu thập dữ liệu
- Kỹ năng viết báo cáo nghiên cứu

8. **Tóm tắt môn học:** Học phần sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế và kinh doanh. Thông qua học phần, học viên sẽ được cung cấp các kiến thức về các bước trong quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.

Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ được thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh. Qua các giờ giảng và thực hành, học viên sẽ có khả năng tổng hợp, đánh giá và phản biện các điểm mạnh, điểm yếu của các phương pháp và các cách tiếp cận khác nhau trong từng trường hợp cụ thể.

Học phần còn cung cấp cho học viên quy trình viết luận văn; Cách đọc và tổng quan tài liệu; Lựa chọn đề tài; Làm đề cương sơ bộ và chi tiết; Phương pháp viết luận văn...

9. **Yêu cầu tiên quyết:** Không.

9. QUẢN TRỊ SẢN XUẤT VÀ TÁC NGHIỆP NÂNG CAO

1. **Mã học phần:** BSA 6017
2. **Tên học phần:** Quản trị sản xuất & tác nghiệp nâng cao
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** TS. Nguyễn Đăng Minh & TS. Phan Chí Anh, Trường ĐHKT – ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị sản xuất và điều hành như phân tích hoạt động sản xuất, quản trị dự án, quản trị hàng tồn kho...
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích các hoạt động sản xuất và tác nghiệp trong điều kiện thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần tiếp cận theo góc độ chuỗi giá trị toàn cầu đối với hoạt động sản xuất và tác nghiệp. Với cách tiếp cận đó, Học phần chủ yếu tập trung vào giải quyết các vấn đề: Dự báo nhu cầu, Thiết kế hệ thống sản xuất & dịch vụ, xác định công suất sản xuất, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch nguyên vật liệu, quản hàng dự trữ trong chuỗi giá trị toàn cầu. Để làm rõ những nội dung trên đối với học viên cao học, các kiến thức chuyên sâu, thực tế sẽ được trình bày thông qua các tình huống thực tế có liên quan. Ngoài ra, các bài tập thực hành và bài tập nhóm sẽ giúp học viên tiếp cận tốt hơn học phần.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

10. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NÂNG CAO

1. **Mã học phần:** BSA 6003
2. **Tên học phần:** Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** PGS.TS. Trần Thị Thái Hà & TS. Trần Thị Thanh Tú, Trường ĐHKT – ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên có thể phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp và nghiên cứu các lý thuyết tài chính, thực tế về quản lý tài chính trong môi trường hoạt động của các công ty. Các phương pháp đánh giá cơ hội đầu tư và hoạt động tài chính cũng được thảo luận trên lớp.
 - **Kỹ năng:** Học viên có khả năng phân tích các hoạt động tài chính doanh nghiệp, đánh giá cơ hội đầu tư trong doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.
8. **Tóm tắt môn học:** Đây là học phần mang tính phân tích liên quan đến các hoạt động tài chính doanh nghiệp và nghiên cứu các lý thuyết tài chính, thực tế về quản lý tài chính trong môi trường hoạt động của các công ty. Các phương pháp đánh giá cơ hội đầu tư và hoạt động tài chính cũng sẽ được thảo luận. Các cách thức liên quan đến chính sách tài chính của các công ty như các chính sách đầu tư, cấu trúc vốn, chi phí vay vốn và các quyết định về lãi cổ tức được tập trung xem xét nhằm tối đa hoá giá trị của doanh nghiệp và chủ sở hữu. Tác động của các hệ thống quản trị thuế, cách thức ra quyết định thuế được đánh giá một cách chi tiết. Các khoản thu và các lĩnh vực tài chính chuyên biệt khác như các chương trình mua lại cổ phiếu và tổ chức lại doanh nghiệp cũng được xem xét.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

11. QUẢN TRỊ CÔNG TY NÂNG CAO

1. **Mã học phần:** BSA 6021
2. **Tên học phần:** Quản trị công ty nâng cao
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** PGS.TS. Hoàng Văn Hải & TS. Nhâm Phong Tuân, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến quản trị công ty hiện đại như vai trò của hội đồng quản trị, phát hành cổ phiếu, quyền cổ đông....
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin phục vụ hội đồng quản trị, các kỹ năng truyền thông, công bố thông tin của doanh nghiệp.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần tập trung vào phân tích các nội dung của quản trị công ty trong môi trường đại chúng hoá công ty, cụ thể: (i) Phân tích các khía cạnh pháp lý liên quan đến quản trị doanh nghiệp như Luật doanh nghiệp (2005), các chuẩn mực quản trị công ty của OECD; (ii) Minh định vai trò của Hội đồng quản trị công ty và mối quan hệ của Hội đồng quản trị với ban giám đốc điều hành, ban kiểm soát và cổ đông của công ty; (iii) Cụ thể hoá các hoạt động quản trị công ty như kiểm soát nội bộ, định hướng chiến lược, quản trị rủi ro cũng như phát triển một nền nếp văn hoá công ty lành mạnh và các giá trị đạo đức quản trị mang tính phổ quát; (iv) Đề xuất một số tiêu chí đánh giá hoạt động quản trị công ty.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

12. CÁC LÝ THUYẾT QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI

1. **Mã học phần:** BSA 6001
2. **Tên học phần:** Các lý thuyết quản trị hiện đại
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** PGS.TS. Trần Anh Tài & TS. Trần Huy Phương, Trường ĐHKT – ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm vững các học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và những tư tưởng quản trị phương Đông. Hiểu rõ những yêu cầu và thách thức đối với công tác quản trị và lãnh đạo trong thế kỷ 21.
 - **Kỹ năng:** Học viên có khả năng vận dụng lý thuyết quản trị hiện đại vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần tập trung vào việc giới thiệu các nội dung liên quan đến các lý thuyết và tư tưởng quản trị hiện đại, cụ thể là: (i) Những thách thức và yêu cầu đối với công tác quản trị doanh nghiệp trong thế kỷ 21. Nêu bật những yếu tố quan trọng của doanh nghiệp để chiến thắng trong giai đoạn mới. Từ đó nhận diện vai trò mới và nhận thức tư duy của người lãnh đạo doanh nghiệp; (ii) Khái quát một số học thuyết quản trị hiện đại phương Tây và một số tư tưởng quản trị Phương Đông cũng như của Việt Nam trong quá khứ để nhận diện những ứng dụng mới kết hợp hài hoà Đông – Tây; (iii) Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp trên cơ sở hài hoà học thuyết quản trị phương Tây và tư tưởng quản trị phương Đông với một số nội dung chủ yếu như: học thuyết đào tạo kinh doanh, bản đồ chiến lược và hệ thống quản trị và thực thi chiến lược hiệu quả.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

13. KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ

1. **Mã học phần:** BSA 6002
2. **Tên học phần:** Kinh tế học quản lý
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Vũ Đức Thanh & TS. Đào Thị Bích Thủy, Trường ĐHKT – ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm vững các nguyên lý kinh tế học vi mô như: phân tích cung cầu thị trường, phân tích hàm sản xuất và chi phí, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư ,v.v....
 - **Kỹ năng:** Học viên có khả năng phân tích và vận dụng các nguyên lý kinh tế học vi mô vào công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tiễn Việt Nam.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần chỉ ra cho các nhà quản trị kinh doanh cách vận dụng các nguyên lý kinh tế học vi mô như: phân tích cung cầu thị trường, phân tích hàm sản xuất và chi phí, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư ,v.v... vào việc ra các quyết định về những vấn đề của quản trị kinh doanh như: sản lượng, mức giá, phân tích ứng xử của khách hàng, của các nhà cung ứng, các đối thủ cạnh tranh trong các môi trường cạnh tranh khác nhau.
9. **Học phần tiên quyết:** Không.

14. CÁC THỊ TRƯỜNG VÀ ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

1. **Mã học phần:** BSA 6008
2. **Tên học phần:** Các thị trường và định chế tài chính
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** PGS.TS. Trần Thị Thái Hà & TS. Trần Thị Thanh Tú, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến thị trường tài chính và các khái niệm về các định chế tài chính.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin về thị trường tài chính và cấu trúc của hệ thống tài chính, phân tích và nhận định được các cơ hội đầu tư.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần gồm ba nội dung chính: (i) Thị trường tài chính: Phần này tập trung phân tích sâu về cấu trúc của hệ thống tài chính, các tác động của nó đến sự vận hành các nguồn lực, phân bổ nguồn lực, hiệu quả phân bổ nguồn lực và quản lý rủi ro; (ii) Các loại hình định chế tài chính, vai trò và chức năng cũng như các vấn đề quản lý hoạt động của các định chế này; (iii) Cấu trúc của thị trường tài chính, việc sử dụng các công cụ tài chính khác nhau và cơ chế kinh doanh các tài sản tài chính.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

15. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ NÂNG CAO

1. **Mã học phần:** BSA 6011
2. **Tên học phần:** Kế toán quản trị nâng cao
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Nguyễn Thị Hương Liên & TS. Trần Thế Nữ, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp dùng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích về chi phí, giá bán, hòa vốn, kết cấu mặt hàng, dự toán ngân sách.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị, bao gồm: đối tượng, chức năng và các phương pháp dùng trong kế toán quản trị, phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí; mối quan hệ giữa chi phí - lợi nhuận - khối lượng; phân tích hoà vốn, kết cấu mặt hàng; dự toán ngân sách trong hoạt động kinh doanh; phân tích biến động chi phí và phân bổ chi phí: biến động chi phí nguyên vật liệu, lao động và chi phí sản xuất chung, phương pháp phân bổ chi phí dịch vụ cho các bộ phận; định giá sản phẩm: giá sản phẩm sản xuất hàng loạt, giá bán trong ngành dịch vụ, giá bán sản phẩm mới; thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn và các quyết định đầu tư dài hạn.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

16. RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN TRỊ

1. **Mã học phần:** BSA 6019
2. **Tên học phần:** Ra quyết định quản trị
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Nguyễn Viết Lộc & TS. Nguyễn Đăng Minh, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác ra quyết định quản trị như phát hiện vấn đề, các bước giải quyết vấn đề, mô hình ra quyết định...
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin cũng như đánh giá để đưa ra các quyết định nhanh chóng và chính xác trong môi trường kinh doanh bất định.
8. **Tóm tắt môn học:** Mục tiêu của khóa học nhằm hướng dẫn học viên cách thức chuyển tải nội dung những thông tin hiện có thành các dữ liệu hữu ích phục vụ cho mục đích ra các quyết định quản trị. Học viên cũng sẽ được học những cách thức nhằm hạn chế các lỗi trong việc ra các quyết định do phân tích sai về dữ liệu hay do vấn đề tâm lý. Học phần giúp các nhà ra quyết định chọn lựa các phương án dựa trên các tiêu chuẩn định lượng; trang bị các kiến thức cơ bản về lập mô hình và ra quyết định từ các mô hình này, về việc sử dụng các kỹ thuật cụ thể cho các áp dụng thực tế trong quản lý sản xuất & dịch vụ cũng như các lĩnh vực khác. Học phần hướng dẫn cho học viên cách thức đưa ra quyết định trong bối cảnh thông tin không chắc chắn hoặc khi cần quyết định trong sự hạn chế về thời gian. Nó cho học viên thấy sự tương phản của việc nhiều nhà quản trị thường ra sao và họ nên ra quyết định như thế nào? Việc sử dụng nhiều ví dụ thực tế và các bài tập tình huống trong quá trình giảng dạy cũng sẽ rèn luyện kỹ năng ra quyết định của các học viên.
9. **Học phần tiên quyết:** Không.

17. CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH

1. **Mã học phần:** BSA 6024
2. **Tên học phần:** Chiến lược cạnh tranh
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** PGS.TS. Hoàng Văn Hải & PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuấn, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến chiến lược cạnh tranh, bao gồm: phân tích môi trường kinh doanh, đối thủ cạnh tranh, chiến lược đại dương xanh.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích về môi trường kinh doanh, đối thủ cạnh tranh, khách hàng, nhà cung cấp, và các chiến lược cạnh tranh mới nhất.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần tập trung vào việc giới thiệu các vấn đề liên quan đến hoạt động cạnh tranh của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh ngày nay. Học phần có kết cấu thành 3 phần như sau: Phần 1: Các kỹ thuật phân tích tổng quát: Phần này đặt nền tảng phân tích phát triển chiến lược cạnh tranh dựa trên cơ sở phân tích cấu trúc ngành nghề và các đối thủ cạnh tranh. Phần 2: Môi trường kinh doanh tổng quát: Trên cơ sở những kỹ thuật phân tích phục vụ cho việc thiết lập chiến lược cạnh tranh, phần hai tiến hành khảo sát năm môi trường kinh doanh tổng loại quan trọng, đó là chiến lược cạnh tranh trong môi trường bị chia cắt, thiết lập chiến lược trong các ngành kinh doanh mới xuất hiện, chiến lược trong thời kỳ chuyển tiếp, trong thời kỳ suy thoái, trong ngành kinh doanh toàn cầu... Phần 3: Quyết định chiến lược: Trên cơ sở khái niệm được trình bày trong phần 1 và phần 2, phần này tiến hành khảo sát ba loại quyết định chiến lược chủ chốt cho một ngành kinh doanh: tích hợp theo chiều dọc, mở rộng năng lực và thâm nhập.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

18. QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

1. **Mã học phần:** BSA 6025
2. **Tên học phần:** Quan hệ công chúng
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Nguyễn Thị Phi Nga & TS. Hoàng Thị Thanh Vân, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quan hệ công chúng, giao tiếp trong PR, và hoạt động quan hệ công chúng của doanh nghiệp.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng thực hiện các hoạt động quan hệ công chúng, giao tiếp, PR phục vụ doanh nghiệp.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần tập trung vào việc giới thiệu các khái niệm cơ bản về Quan hệ công chúng, nhận diện các vấn đề của quan hệ công chúng, lập kế hoạch và triển khai các hoạt động quan hệ công chúng, giao tiếp trong PR và đánh giá công tác quan hệ công chúng của doanh nghiệp. Học phần phân tích các vấn đề chính sau: Bản chất của PR; Quản lý PR; PR ứng dụng; Hoạt động PR; Kỹ năng PR.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

19. QUẢN TRỊ RỦI RO

1. **Mã học phần:** BSA 6026
2. **Tên học phần:** Quản trị rủi ro
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức nhóm chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Trương Minh Đức & TS. Trần Đức Vui, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro trong doanh nghiệp từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích các hoạt động quản trị rủi ro tài chính, rủi ro thẩm định, và quản trị dự án, tỉ giá, và rủi ro trong đầu tư...
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần tập trung vào việc giới thiệu các nội dung của hoạt động quản trị rủi ro. Quản trị rủi ro là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Học phần này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thẩm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư...được giới thiệu trong học phần để giúp người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản trị rủi ro cho các đối tượng này. Người học sẽ được tìm hiểu thêm về quản trị rủi ro cho các dự án lớn.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

20. TINH THẦN DOANH NGHIỆP

1. **Mã học phần:** BSA 6027
2. **Tên học phần:** Tinh thần doanh nghiệp
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** PGS. TS. Lê Quân & TS. Đinh Văn Toàn, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến điều hành và thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ phát triển nằm trong chuỗi tuần hoàn của sáng tạo tại Việt Nam.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến phát triển doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định Việt Nam.
8. **Tóm tắt môn học:** Các doanh nghiệp nhỏ đóng góp cho cả toàn bộ nền kinh tế và xã hội Hoa Kỳ nhiều hơn nhiều so với những gì con số có thể tính toán qua chi tiêu và lợi nhuận mà các doanh nghiệp này đem lại. Những doanh nghiệp quy mô nhỏ có xu hướng đổi mới nhiều hơn về mặt kinh tế so với các công ty lớn hơn, có thể ứng phó tốt hơn trước nhu cầu luôn thay đổi của người tiêu dùng và tạo nhiều cơ hội hơn cho phụ nữ, các nhóm sắc tộc thiểu số cũng như thúc đẩy hoạt động ở những khu vực có tỷ lệ thất nghiệp cao nghèo đói. Học phần này góp phần xây dựng, điều hành và thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ phát triển nằm trong chuỗi tuần hoàn của sáng tạo và đem lại sự giàu có cho những con người đầy nhiệt huyết và suy nghĩ chín chắn khắp mọi nơi.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

21. QUẢN TRỊ CÔNG NGHỆ

1. **Mã học phần:** BSA 6029
2. **Tên học phần:** Quản trị công nghệ
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 03
6. **Giảng viên:** TS. Nguyễn Đăng Minh & TS. Phan Chí Anh, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị khoa học và công nghệ của cơ quan, của doanh nghiệp.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích, đánh giá, tư duy liên quan đến lựa chọn các giải pháp phù hợp để phát triển năng lực công nghệ và duy trì khả năng cạnh tranh bền vững.
8. **Tóm tắt môn học:** Học phần “Quản trị công nghệ” được thiết kế để cung cấp những kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng cơ bản cho học viên trong công tác quản trị khoa học và công nghệ của cơ quan, của doanh nghiệp, trong đó có các phần giải thích về các kiến thức và tình huống thực tế (case study) để giúp học viên hiểu rõ về công nghệ, năng lực công nghệ, quản trị công nghệ, đặc biệt là biết lựa chọn các giải pháp phù hợp để phát triển năng lực công nghệ và duy trì khả năng cạnh tranh bền vững.
9. **Học phần tiên quyết :** Không.

22. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Mã học phần:** BSA 6031
2. **Tên học phần:** Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Đinh Văn Toàn & TS. Lưu Thị Minh Ngọc, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.

7. Mục tiêu học phần

- **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh và toàn cầu hóa.
- **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích, đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội.

8. Tóm tắt môn học:

Học phần nhằm giúp cho học viên phát triển những nhận thức mới về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh, đồng thời vấn đề trách nhiệm xã hội cũng sẽ được xem xét và phân tích như một bước phát triển mới đang đặt ra trong thực tiễn quản trị kinh doanh. Người học sẽ nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp và các mối quan hệ trong kinh doanh, đặc biệt là vấn đề đạo đức và trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp trong mối quan hệ với nhân viên, khách hàng, cổ đông, và các bên hữu quan khác. Đồng thời học phần cũng sẽ đề cập tới mối quan hệ giữa các quy định pháp luật và vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; việc thiết lập và triển khai các chính sách và tiêu chuẩn liên quan đến trách nhiệm xã hội; việc hạn chế các rủi ro khủng hoảng liên quan đến trách nhiệm xã hội.

9. Học phần tiên quyết : Không.

23. QUẢN TRỊ DỰ ÁN

1. **Mã học phần:** BSA6034
2. **Tên học phần:** Quản trị Dự án
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Đỗ Xuân Trường, TS. Trương Minh Đức, Trường ĐHKHT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần** (chuẩn đầu ra)

6.1. Kiến thức

- Hiểu bản chất về quản trị dự án;
- Nắm được các nội dung của quản trị dự án và phương pháp thực hiện dự án;
- Có khả năng phân tích, đánh giá các bối cảnh cụ thể để lựa chọn sử dụng các phương pháp và công cụ quản trị dự án phù hợp.

6.2. Kỹ năng và thái độ cá nhân, nghề nghiệp

- Kỹ năng làm việc nhóm;
- Nhận thức được tầm quan trọng của quản trị dự án cũng như tính chất phức tạp, khó khăn của quản trị dự án trong thực tiễn;
- Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của quản trị dự án.

7.3. Kỹ năng và thái độ xã hội

- Có kỹ năng phối hợp với các bộ phận chức năng trong tổ chức và các đối tác bên ngoài;
- Tôn trọng lợi ích và quan tâm của các bên liên quan đến dự án.

6.4. Năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn

- Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị dự án vào các loại hình dự án khác nhau;
- Có thể áp dụng các phương pháp và công cụ quản trị dự án trong các loại hình tổ chức khác nhau như doanh nghiệp, cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ;
- Sử dụng kết hợp những kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án để giải quyết các vấn đề về tiến độ, chi phí và chất lượng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

8. **Tóm tắt môn học:**

Học phần Quản trị Dự án cung cấp một cách tiếp cận hiện đại về quản trị dự án trong đó làm rõ nội dung, cơ sở khoa học, xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý, những yếu tố cơ bản trong hoạt động dự án như quản lý thời gian, chi phí, nguồn lực, rủi ro vv... Học phần này không đi sâu nghiên cứu phương pháp luận về lập dự án đầu tư, hay nghiên cứu những quy luật về đầu tư mà tập trung vào những vấn đề về đối tượng và nội dung quản lý, xem xét các phương pháp và công cụ sử dụng trong quản lý dự án, nghiên cứu các phương pháp quản lý hoạt động dự án nói chung và quản lý từng nhiệm vụ như phương pháp phân phối nguồn lực tài chính, máy móc thiết bị, lao động, phương pháp quản lý tiến độ, thời gian, chi phí.

9. **Yêu cầu tiên quyết:** Không.

24. QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

1. **Mã học phần:** BSA 6035
2. **Tên học phần:** Quản trị thương hiệu
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** TS. Nguyễn Mạnh Tuấn & TS. Hoàng Thị Thanh Vân, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến quản trị thương hiệu trong doanh nghiệp.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu tại doanh nghiệp.
8. **Tóm tắt môn học:** Thương hiệu hiện đang là vấn đề thu hút sự quan tâm không chỉ của các nhà quản lý, mà còn cả người tiêu dùng và cộng đồng. Các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đều nhận thấy rằng một trong những tài sản quan trọng nhất của doanh nghiệp là thương hiệu. Đồng thời, thương hiệu chính là công cụ hữu hiệu bảo đảm

cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh luôn biến động. Học phần này cung cấp những vấn đề như Khái niệm về thương hiệu, vai trò chức năng của thương hiệu, các mô hình, chiến lược thương hiệu; thiết kế và bảo vệ thương hiệu; quảng bá và khai thác thương hiệu, xử lý những tình huống thương hiệu. Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các nội dung cụ thể sau: (1) Vai trò của thương hiệu trong kinh doanh, khái niệm tài sản thương hiệu và những lợi ích của việc tạo lập một thương hiệu mạnh; (2) Phương thức xây dựng và tạo lập tài sản thương hiệu, thiết kế và lựa chọn các thành tố thương hiệu, khuếch trương thương hiệu thông qua các chương trình marketing; (3) Phương pháp đánh giá thương hiệu và cách thức tiến hành đánh giá thương hiệu; (4) Các chiến lược xây dựng thương hiệu và điều chỉnh chiến lược xây dựng thương hiệu theo thời gian; (5) Bảo vệ thương hiệu và khai thác thương hiệu thông qua nhượng quyền thương mại

9. **Học phần tiên quyết:** Không.

25. HÀNH VI TỔ CHỨC NÂNG CAO

1. **Mã học phần:** BSA 6042
2. **Tên học phần:** Hành vi tổ chức
3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành
4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt, tiếng Anh
5. **Số tín chỉ:** 02
6. **Giảng viên:** PGS.TS. Đỗ Minh Cường & TS. Trần Huy Phương, Trường ĐHKT, ĐHQGHN.
7. **Mục tiêu học phần**
 - **Kiến thức:** Học viên nắm được những kiến thức về các vấn đề liên quan đến hành vi trong tổ chức bao gồm những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức.
 - **Kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích, đánh giá những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong doanh nghiệp.
8. **Tóm tắt học phần:** Học phần nghiên cứu về những hành vi cá nhân trong tổ chức, tìm hiểu những thay đổi, xung đột về hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức nhằm mục

đích thiết kế và thay đổi hành vi tổ chức để đạt hiệu quả cao hơn. Học phần sẽ giúp học viên hiểu được những kiến thức về hành vi tổ chức, chuẩn bị cho mình những kỹ năng, kinh nghiệm cũng như có thái độ tự tin và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước để tự tin bước vào môi trường làm việc cũng phát triển bản thân trong bất kỳ tổ chức nào. Thông qua lý thuyết kết hợp với thảo luận các tình huống, và làm các báo cáo thuyết trình nhóm, học viên làm quen với Hành vi tổ chức tại các doanh nghiệp/tổ chức. Học phần tập trung nhiều vào phân tích và xử lý tình huống. Khi hoàn tất học phần, người học sẽ có khả năng: (1) quản lý các mối quan hệ với đồng nghiệp, người quản lý, nhân viên cũng như khách hàng và đối tác một cách hiệu quả; (2) bắt đầu làm quen với môi trường doanh nghiệp và cách quản lý doanh nghiệp ví dụ như những hoạt động quản lý và tổ chức có thành tích cao; (3) thông hiểu và nắm rõ những yêu cầu để trở thành một nhân viên chuyên nghiệp, (4) có thể đưa ra những quyết định đúng đắn phát huy thành quả của công việc.

9. **Học phần tiên quyết :** Không.

26. KINH DOANH QUỐC TẾ: THÁCH THỨC TRONG BỐI CẢNH CẠNH TRANH TOÀN CẦU

1. **Mã học phần:** INE 6020

2. **Tên học phần:** Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.

3. **Khối kiến thức:** Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc

4. **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt

5. **Số tín chỉ:** 03

6. **Giảng viên:** PGS.TS. Hà Văn Hội, PGS.TS. Vũ Anh Dũng, PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi

7. **Mục tiêu học phần**

• ***Về kiến thức và năng lực nghiên cứu***

- Tổng hợp, phân tích và luận giải các vấn đề kinh doanh quốc tế thông qua kiến thức nền tảng của khối ngành.
- Tổng hợp và phân tích yếu tố vĩ mô, vi mô, bên trong và bên ngoài ảnh hưởng tới các hoạt động kinh doanh quốc tế.

- Hiểu biết có hệ thống và nâng cao về bản chất, xu thế phát triển và các nguyên nhân tăng trưởng của kinh doanh quốc tế. Đặc biệt, các quy trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty được đặt trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu, với các yếu tố cấu thành môi trường kinh doanh quốc gia và môi trường kinh doanh quốc tế gắn với bối cảnh toàn cầu hóa.

- Vận dụng các kiến thức về lý thuyết cũng như thực tiễn về Kinh doanh quốc tế để triển khai và thực hiện các nghiên cứu về thị trường quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế...., đưa ra giải pháp và kiến nghị.

- ***Về kỹ năng***

- Vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty.

- Thông qua các nghiên cứu tình huống xây dựng kỹ năng xử lý các tình huống trong hoạt động kinh doanh quốc tế của công ty.

- Khả năng làm việc độc lập và ra quyết định kinh doanh trong môi trường kinh doanh quốc tế biến động.

8. Tóm tắt học phần:

Học phần giới thiệu cho người học những vấn đề của Kinh doanh quốc tế trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu như: giải thích tại sao các quốc gia có sự khác biệt; tổng hợp các yếu tố kinh tế và chính trị của thương mại và đầu tư quốc tế; giải thích hệ thống tiền tệ, tài chính toàn cầu; cung cấp các kiến thức chuyên sâu về chiến lược và cấu trúc của các công ty kinh doanh quốc tế; đánh giá vai trò, chức năng của các hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần này cũng dành một phần liên hệ với thực tế kinh doanh quốc tế ở Việt Nam. Đặc biệt, học phần tập trung vào việc áp dụng các lý thuyết và các kiến thức về kinh doanh quốc tế vào thực tiễn. Cụ thể, các nghiên cứu tình huống cũng như các tình huống thực tế tại công ty (tổ chức) của học viên sẽ được sử dụng trong suốt khoá học nhằm giúp học viên phân tích và vận dụng các quan điểm, kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tế.

9. Học phần tiên quyết: Không

27. THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: LÝ THUYẾT VÀ ỨNG DỤNG

1. Mã học phần: INE403
2. Tên học phần: Thương mại điện tử: Lý thuyết và ứng dụng
3. Khối kiến thức: Chuyên ngành tự chọn.
4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
5. Số tín chỉ: 02
6. Giảng viên: TS. Nguyễn Tiến Minh, PGS.TS. Nguyễn Việt Khôi
7. Mục tiêu học phần:

- **Kiến thức:**

- Giúp người học hiểu các lý thuyết phân tích thương mại điện tử và vận dụng các mô hình thương mại điện tử hiện nay vào kinh doanh toàn cầu để giúp cho người học có cái nhìn toàn diện về kinh doanh trực tuyến.
- Trang bị cho người học các công cụ E-marketing được sử dụng trong thương mại điện tử hiệu quả nhất.
- Vận dụng các công cụ thanh toán trực tuyến đang hiện hành.
- Trang bị cho người học kiến thức về các hệ thống G2B đang hiện hành tại Việt nam (Hệ thống Hải quan điện tử, Kê khai thuế trực tuyến...)

- **Kỹ năng:**

- Đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan tới thương mại điện tử bao gồm nhận biết và phân tích vấn đề giúp đưa ra các kiến nghị và giải pháp cho từng trường hợp cụ thể.
- Tự nghiên cứu và thực hành kiến thức được học thông qua việc xem tài liệu in và tài liệu trực tuyến, tìm tòi, thu thập, phân tích và xử lý thông tin/dữ liệu liên quan.
- Ứng dụng có hệ thống, toàn diện, tìm ra các vấn đề trong thương mại điện tử và sự tương tác giữa chúng.
- Ứng dụng một số các hệ thống hỗ trợ thương mại điện tử trong doanh nghiệp.

8. Tóm tắt học phần

Đây là một học phần nâng cao so với môn Thương mại điện tử ở trình độ cử nhân. Môn học được giảng chuyên sâu cho người học quan tâm đến hoạt động thương mại điện tử. Người học sẽ có được những hiểu biết cơ bản về các ứng dụng Internet hỗ trợ cho kinh doanh sản phẩm và dịch vụ qua những dự án thương mại điện tử mô phỏng. Các mô hình thương mại điện tử B2C, B2B và G2C sẽ được giảng dạy trong môn học và các nhóm người học có trách nhiệm xây dựng và thực hiện những dự án thương mại điện tử của

chính họ. Các vấn đề quan trọng liên quan đến thương mại điện tử như Marketing điện tử, hệ thống thanh toán trực tuyến sẽ được đề cập và giảng dạy trong môn học.

9. Học phần tiên quyết: Không

28. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

1. Mã học phần: INE6007

2. Tên học phần: Quản trị tài chính quốc tế

3. Số tín chỉ: 02

4. Học phần tiên quyết: Không

5. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

6. Giảng viên: PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn, TS. Nguyễn Cẩm Nhung; TS. Nguyễn Tiến Dũng; TS. Nguyễn Thị Vũ Hà; TS. Phạm Xuân Hoan

7. Mục tiêu học phần:

- **Kiến thức**

- Hiểu sâu hơn về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các nhân tố tác động đến tỷ giá hối đoái
- Nắm rõ các hệ thống tỷ giá hối đoái, các mô hình dự báo tỷ giá hối đoái
- Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia
- Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái
- Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.
- Có khả năng phân tích quản trị dòng tiền, các kỹ thuật để tối ưu hóa dòng tiền.

- **Kỹ năng:**

- Nhận biết những cơ hội và rủi ro mà các công ty hoạt động trên thị trường quốc tế có thể gặp phải
- Biết áp dụng những chiến lược để dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá
- Biết sự khác biệt giữa các phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế để sử dụng các phương tiện, phương thức thanh toán phù hợp với từng thương vụ cụ thể trong thương mại quốc tế.
- Biết kỹ năng quản trị để tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế.

- **Phẩm chất đạo đức:** Chuyên cần, ham học hỏi

8. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần sẽ cung cấp và trang bị cho học viên trình độ Thạc sỹ những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính quốc tế dưới góc độ vi mô. Thông qua học phần, học viên sẽ hiểu rõ những vấn đề cơ bản về môi trường tài chính quốc tế và những yếu tố tác động đến các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường quốc tế gồm các công ty đa quốc gia và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

Những vấn đề cơ bản của học phần này là các lý thuyết về: (1) thị trường tài chính quốc tế và thị trường ngoại hối phái sinh; (2) kinh doanh chênh lệch giá và ngang giá lãi suất; (3) dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá; (4) tài trợ thương mại quốc tế; và (5) chi phí sử dụng vốn, cơ cấu vốn quốc tế và hoạch định nguồn vốn quốc tế.

Các lý thuyết sẽ được giới thiệu một cách cô đọng nhất nhằm giúp học viên có được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính quốc tế và hiểu sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với công ty hoạt động trên thị trường quốc tế.

9. Học phần tiên quyết: Không

29. PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ VÀ QUẢN TRỊ DANH MỤC ĐẦU TƯ

1. Mã học phần: FIB6004

2. Tên học phần: Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư

3. Khối kiến thức: Chuyên ngành tự chọn

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Số tín chỉ: 03

6. Giảng viên:

7. Mục tiêu học phần

- Hiểu thấu đáo về các yếu tố cấu thành nền tảng của các quyết định đầu tư, đặc biệt là quyết định chiến lược danh mục đầu tư;

- Nắm chắc quy trình quản trị danh mục đầu tư và các phương pháp đánh giá hoạt động của danh mục.
- Thành thạo các phép tính lợi suất, giá cả, rủi ro của từng công cụ riêng lẻ và của danh mục đầu tư.
- Vận dụng được quy trình đánh giá hoạt động của danh mục đầu tư, từ đó có thể điều chỉnh danh mục để đạt được những mục tiêu đầu tư.

8. Tóm tắt học phần:

- Dựa trên nền tảng kiến thức đã được cung cấp ở bậc đại học, học phần mở rộng, nâng cao kiến thức về các lý thuyết đầu tư hiện đại; hoàn thiện một bước các phương pháp phân tích và định giá tài sản tài chính; cung cấp khuôn khổ khái quát về quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu, bao gồm từ việc tìm hiểu đối tượng khách hàng và đưa ra tuyên bố chính sách, các kỹ thuật phân bổ tài sản, lựa chọn tài sản cho danh mục đầu tư, cho tới việc thiết lập các chiến lược quản trị danh mục (thụ động và chủ động), sử dụng một số công cụ phái sinh trong quản trị danh mục đầu tư, và cuối cùng là áp dụng các phương pháp định tính và định lượng để đánh giá chất lượng hoạt động của một danh mục đầu tư.

9. Học phần tiên quyết: Không

30. TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP QUỐC TẾ

1. Mã học phần: FIB6010

2. Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp quốc tế

3. Khối kiến thức: Chuyên ngành tự chọn

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

5. Số tín chỉ: 02

6. Giảng viên:

7. Mục tiêu học phần:

- Hiểu và giải thích được ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến tình hình hoạt động của các công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và các công ty đa quốc gia
- Hiểu được các biện pháp quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái
- Hiểu được phương thức thanh toán trong thương mại quốc tế, các hình thức tài trợ thương mại quốc tế.

8. Tóm tắt học phần:

- Những vấn đề cơ bản của học phần này là các lý thuyết về: (1) thị trường tài chính quốc tế và thị trường ngoại hối phái sinh; (2) kinh doanh chênh lệch giá và ngang giá lãi suất; (3) dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá; (4) tài trợ thương mại quốc tế; và (5) chi phí sử dụng vốn, cơ cấu vốn quốc tế và hoạch định nguồn vốn quốc tế. Các lý thuyết sẽ được giới thiệu một cách cô đọng nhất nhằm giúp học viên có được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính quốc tế và hiểu sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc dự báo và phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với công ty hoạt động trên thị trường quốc tế.

9. Học phần tiên quyết : Không

31. NHÀ NƯỚC, THỊ TRƯỜNG VÀ QUẢN TRỊ QUỐC TẾ

- 1. Mã học phần:** PEC 6125
- 2. Tên học phần:** Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế
- 3. Khối kiến thức:** Chuyên ngành tự chọn
- 4. Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt
- 5. Số tín chỉ:** 03
- 6. Giảng viên:** PGS.TS Phạm Thị Hồng Điệp, PGS.TS Phạm Văn Dũng, TS Nguyễn Thùy Anh, PGS.TS Phan Huy Đường

7. Mục tiêu học phần

- **Kiến thức:**

Môn học trang bị cho người học các kiến thức hệ thống và nâng cao về sự tương tác giữa Nhà nước - thị trường và ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với mức độ, phạm vi và quyền hạn của Nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Môn học cũng giúp người học tìm hiểu về những lực

lượng đang thúc đẩy sự biến đổi mối quan hệ Nhà nước – Thị trường, sự phân phối quyền lực trong hệ thống quốc tế và những hệ quả của nó đối với quản trị quốc tế và năng lực nhà nước; từ đó góp phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận và tư duy quản lý ở tầm vĩ mô.

- **Kỹ năng:**

- Phân tích, tổng hợp đánh giá những vấn đề liên quan đến quản trị quốc tế, tương tác giữa nhà nước và thị trường trong hoạch định và thực thi chính sách công trong bối cảnh toàn cầu hóa dưới góc độ quản lý kinh tế

- Có kỹ năng thuyết phục (bằng lời nói, bằng văn bản, thuyết trình, nêu vấn đề, xử lý tình huống...), một vấn đề khoa học về chủ đề quan hệ giữa nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế, thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế

8. Tóm tắt nội dung của học phần

Môn học “Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế” Nghiên cứu cơ sở lý luận về nhà nước, thị trường, tìm hiểu tác động của những thay đổi trong cấu trúc đương đại của nền kinh tế chính trị toàn cầu đối với các mối quan hệ nhà nước – thị trường, về mức độ, phạm vi và quyền hạn của nhà nước đối với các quá trình làm chính sách và các công cụ mà qua đó chính sách công được thực thi. Vấn đề cơ bản mà môn học giải quyết được sự phân phối quyền lực trong hệ thống quốc tế và những hệ quả của nó đối với quản trị và năng lực nhà nước.

9. Học phần tiên quyết: **Không**

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hồng Sơn